

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**của CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012*

*kèm theo*

**BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



## NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo Kiểm toán	6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7-27
Bảng cân đối kế toán	7-9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12-27

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hãng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 (chuyển đổi từ số ĐKKD: 0103 014668), đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần 7 ngày 26 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938, đăng ký thay đổi lần 7 ngày 26 tháng 11 năm 2012, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sơn, véc ni và chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Sản xuất tinh bột, các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất mì ống, mì sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống (không bao gồm kinh doanh quầy bar); đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; băng đĩa âm thanh, hình ảnh; thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông; hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hoá, hành khách;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

Trụ sở chính của Công ty tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Công ty là: 22.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng).

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 là 3.811.536.276 VND.

Lợi nhuận chưa phân phối tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 3.785.051.854 VND.

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

### Hội đồng Quản trị

Ông : Mai Anh Tám	Chủ tịch
Ông : Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên
Bà : Nguyễn Thị Hương	Ủy viên
Bà : An Phương Thảo	Ủy viên
Ông : Đỗ Trần Mai	Ủy viên
Bà : Phạm Thị Hinh	Ủy viên

### Ban Giám đốc

Ông : Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc
Ông : Trần Tuấn Kinh	Phó Tổng Giám đốc

## KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty.

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

### Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2012

TM. Ban Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

10/03/2012

10/03/2012



Số: 26/2013/BCKT-TC/AAT

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012  
của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á được lập ngày 20/03/2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 07 đến trang 27 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN,  
KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT



Nguyễn Xuân Hòa

Chứng chỉ KTV số: 0909/KTV

Kiểm toán viên



Nguyễn Đại Hùng

Chứng chỉ KTV số: 1000/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VNĐ	
			31/12/12	01/01/2012
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>66.015.455.854</b>	<b>58.264.554.333</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		<b>6.813.757.089</b>	<b>7.342.815.086</b>
111	1. Tiền	V.01	6.813.757.089	7.342.815.086
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	-
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>508.000.000</b>	<b>689.000.000</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn	V.02	508.000.000	689.000.000
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)		-	-
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>28.764.311.389</b>	<b>24.251.176.389</b>
131	1. Phải thu khách hàng		23.190.757.140	18.939.224.210
132	2. Trả trước cho người bán		3.453.925.702	3.450.975.608
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
135	5. Các khoản phải thu khác	V.03	2.119.628.547	1.860.976.571
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		-	-
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>23.361.150.080</b>	<b>19.124.380.803</b>
141	1. Hàng tồn kho	V.04	23.361.150.080	19.124.380.803
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>6.568.237.296</b>	<b>6.857.182.055</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		3.720.185.715	4.508.281.880
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		2.848.051.581	2.348.900.175
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>9.086.288.511</b>	<b>11.839.928.839</b>
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		-	-
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>7.912.767.854</b>	<b>9.762.196.934</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.05	7.762.767.854	9.281.605.177
222	- Nguyên giá		14.738.347.556	13.750.461.620
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.975.579.702)	(4.468.856.443)
227	3. Tài sản cố định vô hình		-	-
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.06	150.000.000	480.591.757
240	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>		-	-
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.173.520.657</b>	<b>2.077.731.905</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.07	990.320.657	1.492.788.905
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		-	-
268	3. Tài sản dài hạn khác		183.200.000	584.943.000
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>75.101.744.365</b>	<b>70.104.483.172</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/12/12	01/01/2012
300	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>46.634.215.797</b>	<b>40.178.567.738</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>46.347.865.797</b>	<b>39.546.717.738</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	V.08	15.099.382.739	18.341.727.150
312	2. Phải trả người bán		16.060.561.380	12.071.119.455
313	3. Người mua trả tiền trước		2.685.424.266	1.523.004.064
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.09	3.584.088.341	3.339.890.507
315	5. Phải trả người lao động		1.987.376.439	1.392.131.611
316	6. Chi phí phải trả	V.10	490.000.000	189.845.705
317	7. Phải trả nội bộ		-	-
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	V.11	6.422.389.486	2.137.974.152
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		18.643.146	551.025.094
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>286.350.000</b>	<b>631.850.000</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán		-	-
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ		-	-
333	3. Phải trả dài hạn khác		117.350.000	17.350.000
334	4. Vay và nợ dài hạn	V.12	169.000.000	614.500.000
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		-	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		-	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		-	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
400	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>28.467.528.568</b>	<b>29.925.915.434</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>28.467.528.568</b>	<b>29.925.915.434</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	V.13	22.000.000.000	22.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	V.13	252.000.000	252.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		-	-
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)		-	-
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	V.13	2.187.451.620	1.624.786.281
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	V.13	243.025.094	243.025.094
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	V.13	3.785.051.854	5.806.104.059
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		-	-
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>75.101.744.365</b>	<b>70.104.483.172</b>



**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	31/12/12	01/01/2012
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

73  
T  
H  
S  
G  
N

## BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.14	96.414.919.898	92.739.087.994
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.15	176.604.207	352.183.842
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.16	96.238.315.691	92.386.904.152
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.17	60.159.404.540	58.305.166.675
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		36.078.911.151	34.081.737.477
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.18	46.284.906	56.971.475
22	7. Chi phí tài chính	VI.19	3.109.800.251	2.472.788.375
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		3.062.351.598	2.408.891.187
24	8. Chi phí bán hàng		20.552.525.710	17.241.639.578
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		8.384.490.585	8.271.532.896
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		4.078.379.511	6.152.748.103
31	11. Thu nhập khác		135.654.947	88.171.544
32	12. Chi phí khác		37.008.402	63.017.796
40	13. Lợi nhuận khác		98.646.545	25.153.748
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		4.177.026.056	6.177.901.851
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	VI.20	365.489.780	551.248.460
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		3.811.536.276	5.626.653.391
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	V.13	1.733	2.558

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
(Theo phương pháp trực tiếp)  
Năm 2012

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		100,446,247,970	96,304,941,434
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(74,381,805,248)	(83,675,744,558)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(11,966,043,454)	(12,987,439,969)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(3,062,351,598)	(2,423,942,339)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(15,173,169)	-
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		5,262,793,578	2,445,964,000
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(11,913,540,349)	(2,296,920,684)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>4,370,127,730</b>	<b>(2,633,142,116)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(422,778,669)	(2,482,152,782)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác			
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(6,062,180,000)	(1,130,000,000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		6,128,180,000	731,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		37,057,477	37,600,320
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(319,721,192)</b>	<b>(2,843,552,462)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		61,418,846,487	50,615,635,847
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(65,097,887,602)	(40,140,745,342)
35	5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(900,423,420)	(3,916,046,700)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(4,579,464,535)</b>	<b>6,558,843,805</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>(529,057,997)</b>	<b>1,082,149,227</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>7,342,815,086</b>	<b>6,260,665,859</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ			
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>		<b>6,813,757,089</b>	<b>7,342,815,086</b>

Người lập biểu



Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng



Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2012

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 (chuyển đổi từ số ĐKKD: 0103014668), đăng ký lần đầu ngày 20 tháng 11 năm 2006, thay đổi lần 7 ngày 26 tháng 11 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 104, ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, P.Nhân Chính, Q.Thanh Xuân, Hà Nội.

Công ty có các đơn vị thành viên sau:

Tên	Địa chỉ
Nhà máy Sơn miền Bắc	59 Thiên Đức, TT.Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh	89/1B Quốc Lộ 1A, Khu phố 2, phường Tân Thới Hiệp, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh
Chi nhánh tại TP.Đà Nẵng	KCN Liên Chiểu, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102073938 ngày 26 tháng 11 năm 2012 của Công ty là: 22.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai mươi hai tỷ đồng*).

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh chính của Công ty là sản xuất & kinh doanh vật liệu xây dựng.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất sơn, véc ni và chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít;
- Sản xuất tinh bột, các sản phẩm từ tinh bột; sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự;
- Bán buôn gạo, thực phẩm, đồ uống (không bao gồm kinh doanh quầy bar); đồ dùng khác cho gia đình;
- Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng chuyên doanh; bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn; sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm; băng đĩa âm thanh, hình ảnh; thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh; hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da; trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quầy bar);
- Dịch vụ phục vụ đồ uống;
- Đại lý mua, đại lý bán, đại lý ký gửi hàng hoá;
- Sản xuất và mua bán máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng, giao thông; hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;
- Dịch vụ vận tải, vận chuyển hàng hoá, hành khách;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh.

## II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

### 4. Cơ sở hoạt động liên tục

Các báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục với giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai có thể nhìn thấy được.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### 2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

#### a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:



- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;
- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

**b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho**

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền đối với từng mặt hàng.

**c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

### 3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Quyết định số 203/2009/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc thiết bị	5-8 năm
- Phương tiện vận tải	5-6 năm
- Thiết bị quản lý	3 năm

### 4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

### 5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### 6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí thuê đất & nhà xưởng chờ phân bổ;
- Phí li-xăng nhãn hiệu hàng hoá chờ phân bổ;



Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

#### 7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản phải trả cho các chi phí đã phát sinh nhưng chưa trả, cụ thể số dư chi phí phải trả 31/12/2012 là chi phí kiểm toán và chi phí thuê nhà xưởng đã phát sinh nhưng chưa trả.

#### 8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### 9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

##### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng

##### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

#### 10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### 11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Theo Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế TNDN, Công ty được miễn thuế TNDN 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 02 năm tiếp theo đối với các ngành nghề:

- Sản xuất sơn nước, bột bả tường, chất chống thấm, chống gỉ, vật tư ngành sơn, sản xuất vật liệu xây dựng;
- Sản xuất máy móc, thiết bị, linh kiện, vật tư ngành công nghiệp, nông nghiệp (không bao gồm thuốc bảo vệ thực vật), xây dựng; hàng điện, điện tử, điện lạnh, điện gia dụng, thiết bị tin học, thiết bị văn phòng;

Năm 2012, Công ty được giảm 50% số thuế TNDN phải nộp đối với các ngành nghề nêu trên.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

### 12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

#### a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

\* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.

\* Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

#### b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

### 13. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Số dư các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác và các khoản vay tại thời điểm báo cáo được phân loại và phản ánh trên báo cáo như sau:

\* Là khoản nợ ngắn hạn nếu có thời hạn phải thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

\* Là khoản nợ dài hạn nếu có thời hạn phải thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh).

\* Các khoản phải trả, tiến hành theo dõi chi tiết công nợ theo từng hạng mục công trình chuyển sang theo dõi chi tiết công nợ theo từng đội xây dựng.



### 3 . TIỀN

	12/31/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3,569,062,929	857,336,878
Tiền gửi ngân hàng	2,608,491,160	6,485,478,208
Tiền đang chuyển	636,203,000	-
<b>Cộng</b>	<b>6,813,757,089</b>	<b>7,342,815,086</b>

### 4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	12/31/2012		01/01/2012	
	Số lượng	VND Giá trị	Số lượng	VND Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác		<b>508,000,000</b>		<b>689,000,000</b>
- Cho vay ngắn hạn cá nhân		508,000,000		689,000,000
<i>Nguyễn Thị Thu Hương</i>		350,000,000		250,000,000
<i>Hà Thị Thảo</i>		158,000,000		350,000,000
<i>Nguyễn Thị Hiền</i>		-		89,000,000
<b>Cộng</b>		<b>508,000,000</b>		<b>689,000,000</b>

### 5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	12/31/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu người lao động	-	-
Phải thu khác	2,119,628,547	1,860,976,571
<i>Công ty Du lịch Công đoàn Giao thông vận tải</i>		1,842,300
<i>Công ty TNHH Hưng Long</i>		63,512,680
<i>Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam</i>	141,808,037	290,000,000
<i>Các cá nhân khác</i>	1,977,820,510	1,505,621,591
<b>Cộng</b>	<b>2,119,628,547</b>	<b>1,860,976,571</b>

### 6 . HÀNG TỒN KHO

	12/31/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	7,748,616,262	7,934,549,981
Công cụ, dụng cụ	77,842,223	7,378,000
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,047,813,684	1,758,046,808
Thành phẩm	7,610,460,507	6,049,337,149
Hàng hóa	4,787,957,046	3,320,620,143
Hàng gửi đi bán	88,460,358	54,448,722
<b>Cộng giá gốc của hàng tồn kho</b>	<b>23,361,150,080</b>	<b>19,124,380,803</b>

### 7 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND				
	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	1,948,764,515	6,627,149,067	4,890,496,300	284,051,738	13,750,461,620
Số tăng trong năm	576,197,203	341,260,823	190,935,910	-	1,108,393,936
- Mua trong năm		341,260,823	190,935,910		532,196,733
- Tăng khác	576,197,203				576,197,203
Số giảm trong năm	-	120,508,000	-	-	120,508,000
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác		120,508,000			120,508,000
Số dư cuối năm	2,524,961,718	6,847,901,890	5,081,432,210	284,051,738	14,738,347,556



<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	468.097.208	2.454.407.855	1.392.790.848	153.560.532	4.468.856.443
Số tăng trong năm	303.686.562	1.220.275.474	877.149.231	105.611.992	2.506.723.259
- <i>Khấu hao trong năm</i>	303.686.562	1.220.275.474	877.149.231	105.611.992	2.506.723.259
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	771.783.770	3.674.683.329	2.269.940.079	259.172.524	6.975.579.702
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	1.480.667.307	4.172.741.212	3.497.705.452	130.491.206	9.281.605.177
Tại ngày cuối năm	1.753.177.948	3.173.218.561	2.811.492.131	24.879.214	7.762.767.854

**6 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Mua sắm TSCĐ	150.000.000	159.514.000
Xây dựng cơ bản dở dang	-	202.978.175
Sửa chữa lớn TSCĐ	-	118.099.582
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000</b>	<b>480.591.757</b>

**7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí thuê đất & nhà xưởng chờ phân bổ	27.272.721	275.382.789
Phí li-xăng nhãn hiệu hàng hoá	830.057.936	1.011.876.116
Chi phí trả trước dài hạn khác	132.990.000	205.530.000
<b>Cộng</b>	<b>990.320.657</b>	<b>1.492.788.905</b>

**8 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	15.099.382.739	18.341.727.150
- <i>Vay ngân hàng</i>	15.099.382.739	15.360.192.222
- <i>Vay đối tượng khác</i>		2.981.534.928
<b>Cộng</b>	<b>15.099.382.739</b>	<b>18.341.727.150</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Chi tiết các khoản vay ngắn hạn:**

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số kế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
	BIDV Quang Trung	12,00%	6	12382000327280		268.000.000	07/12/12	07/06/13	Theo hợp đồng tín dụng chung
	Viettin Bank Đông Anh	20,00%	10	217110002951557			09/09/11	09/07/12	Theo hợp đồng tín dụng chung
<b>Tổng</b>					<b>10.000.000.000</b>	<b>5.181.673.730</b>			
122-03/2012/HĐTDH M	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam-Chi nhánh Đông HN	Lãi suất thả nổi và áp dụng tại từng thời điểm giải ngân. Điều chỉnh 1 tháng/lần bằng lãi suất huy động tiết kiệm trả lãi sau tương ứng với kỳ hạn tiền vay tại ViettinBank +biên độ lãi suất (tối thiểu 3,8%)	Theo thời hạn của từng kế ước nhận nợ. Mỗi kế ước không quá 06 tháng		10.000.000.000	9.917.709.009			Thế chấp tài sản
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003733981		1.210.687.000	24/10/12	24/04/13	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003736690		203.800.000	25/10/12	25/04/13	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003740712		149.764.000	26/10/12	26/04/13	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003746086		135.401.000	30/10/12	30/04/13	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003750283		705.232.621	31/10/12	31/04/2013	Theo hợp đồng tín dụng chung
	ViettinBank-CN Đông HN	13%	6	217110003755516		235.000.000	02/11/12	02/05/13	Theo hợp đồng tín dụng chung





**9 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	2.530.133.489	2.750.600.941
Thuế thu nhập doanh nghiệp	967.994.553	528.188.693
Thuế thu nhập cá nhân	35.043.130	61.100.873
<b>Cộng</b>	<b>3.584.088.341</b>	<b>3.339.890.507</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí kiểm toán	70.000.000	70.000.000
Chi phí thuê nhà xưởng	420.000.000	
Chi phí phải trả khác	-	119.845.705
<b>Cộng</b>	<b>490.000.000</b>	<b>189.845.705</b>

**11 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	25.732.715	57.491.625
Bảo hiểm xã hội	831.402.690	674.343.209
Bảo hiểm y tế	45.245.308	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.520.008.773	1.406.139.318
<i>Thù lao HĐQT &amp; BKS năm 2011</i>	246.000.000	-
<i>Cổ tức năm 2011 phải trả</i>	4.400.000.000	-
<i>Các cá nhân</i>	874.008.773	1.406.139.318
<b>Cộng</b>	<b>6.422.389.486</b>	<b>2.137.974.152</b>

**12 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/12	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	169.000.000	614.500.000
- <i>Vay ngân hàng</i>	169.000.000	614.500.000
Nợ dài hạn	-	-
<b>Cộng</b>	<b>169.000.000</b>	<b>614.500.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN HÃNG SƠN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 104, Ngõ 140 đường Khuất Duy Tiến, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

**Chi tiết các khoản vay dài hạn:**

Số hợp đồng vay	Bên cho vay	Lãi suất vay/năm	Thời hạn vay (tháng)	Số khế ước	Hạn mức tín dụng/ Tổng giá trị khoản vay	Số dư nợ gốc (VND)	Ngày giải ngân	Ngày đáo hạn	Hình thức vay
<b>Vay dài hạn Ngân hàng</b>									
0907VP009-19/08/2009	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Vạn Phúc	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào ngày 25 tháng đầu quý	36		450.000.000	28.500.000	02/01/10	02/01/13	Thế chấp tài sản
1005VP016/HĐTD-TDH/2010	Ngân hàng TMCP Sài Gòn-Hà Nội - CN Hoàng Quốc Việt	Lãi suất thả nổi, điều chỉnh vào ngày 25 tháng đầu quý	36		1.000.000.000	140.500.000	04/01/10	04/01/13	Thế chấp tài sản
<b>Tổng cộng các khoản vay dài hạn</b>					<b>1.450.000.000</b>	<b>169.000.000</b>			





**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	22.000.000.000	22.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ		
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	22.000.000.000	22.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.832.588.481	7.110.836.469

**d) Cổ phiếu**

	31/12/12	01/01/2012
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.200.000	2.200.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu phổ thông	2.200.000	2.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

\* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:

10.000 đồng

**e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	3.811.536.276	5.626.653.391
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	3.811.536.276	5.626.653.391
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.200.000	2.200.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.733</b>	<b>2.558</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KQHĐKD**

**14 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng	96.414.919.898	92.739.087.994
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.414.919.898</b>	<b>92.739.087.994</b>

**15 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chiết khấu thương mại	-	-
Giảm giá hàng bán	-	352.183.842
Hàng bán bị trả lại	176.604.207	-
<b>Cộng</b>	<b>176.604.207</b>	<b>352.183.842</b>



**16 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	96.238.315.691	92.386.904.152
Doanh thu thuần dịch vụ	-	-
Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng	-	-
<b>Cộng</b>	<b>96.238.315.691</b>	<b>92.386.904.152</b>

**17 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	60.159.404.540	58.305.166.675
<b>Cộng</b>	<b>60.159.404.540</b>	<b>58.305.166.675</b>

**18 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	46.284.906	56.971.475
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Cộng</b>	<b>46.284.906</b>	<b>56.971.475</b>

**19 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	3.062.351.598	2.408.891.187
Chi phí tài chính khác	47.448.653	63.897.188
<b>Cộng</b>	<b>3.109.800.251</b>	<b>2.472.788.375</b>

**20 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4.177.026.056	6.177.901.851
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế TNDN được giảm 50%	(522.128.257)	(772.237.731)
Chi phí thuế TNDN được giảm 30%	(156.638.477)	(220.989.271)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	365.489.780	551.248.460
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>365.489.780</b>	<b>551.248.460</b>

**21 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	68.258.360.879	62.492.968.882
Chi phí nhân công	9.215.800.886	10.837.000.086
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.506.723.259	2.217.699.129
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.426.928.087	5.424.054.718
Chi phí khác bằng tiền	5.360.003.167	1.863.434.850
<b>Cộng</b>	<b>91.767.816.278</b>	<b>82.835.157.665</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Thông tin về các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

*Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam là Công ty do*

*Ông Mai Anh Tâm làm Chủ tịch HĐQT*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Cho vay</b>		
Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam	11.789.555.500	1.070.000.000
<b>Thu nợ vay</b>		
Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam	11.937.747.462	780.000.000
<b>Tiền lương Ban Giám đốc</b>	Năm nay VND	Năm trước VND
Tiền lương Ban Giám đốc	503.494.382	487.188.696
<b>Số dư với các bên liên quan:</b>	31/12/12 VND	01/01/12 VND
<b>Phải thu khác</b>		
Công ty TNHH Creat Capital Việt Nam	141.808.037	290.000.000

### 2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty Cổ phần Hăng Sơn Đông Á đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán và Tư vấn Thuế AAT.

### 3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Hồng Thái

Kế toán trưởng

Hoàng Văn Tuấn

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2013

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn